

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày 29/9/2020.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị L và bà Hà Thị T .

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị H , Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn P - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/TLST-HS ngày 11/9/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HS ngày 17/9/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Sùng Thị M** ; sinh năm 1965. Quê quán: Huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản Khăm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố Sùng A S , sinh năm 1944; Mẹ Giàng Thị S , sinh năm 1945; Chồng Thào A P , sinh năm 1960 (Đều đã chết).

Có 02 (hai) người con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1997. Cả hai người con của bị can đều đang sinh sống tại bản Khăm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo sinh ra không được đi học nên không biết chữ, lớn lên lập gia đình. Sau khi bỏ trốn và bị truy nã, năm 2015 bị cáo phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 30 tháng tù giam. Năm 2017 chấp hành xong án phạt tù, trở về địa phương.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 06/6/2020, chuyển tạm giam ngày 11/6/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa đến nay, có mặt.

Người phiên dịch: Lâu Văn P , sinh năm 1987; Dân tộc: Mông

Trú tại: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 02/2007, bị cáo đang ở nhà một mình thì có một người phụ nữ không quen biết vào nhà xin nghỉ nhờ, người phụ nữ này tự giới thiệu là người Mông ở bản Khăm Nàng (Lào). Khi vào nhà người này nói với bị cáo là có mang theo 02 chỉ heroin kém chất lượng nhờ bị cáo bán giúp, giá bao nhiêu cũng được, bị cáo đồng ý, người này đưa cho bị cáo một gói nilon màu xanh bên trong chứa khoảng hai chỉ heroin sau đó rời đi và nói sẽ quay lại tìm bị cáo để lấy tiền nếu đã bán được heroin, còn nếu chưa bán được người này sẽ lấy lại heroin nhưng không nói cụ thể khi nào sẽ quay lại, bị cáo cất giấu số heroin trên tại nhà mình. Đến tối ngày 08/3/2007, Sùng A C , sinh năm 1984 và Sùng A N , sinh năm 1990 cùng ở bản Suối Hộc, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, là người quen của bị cáo đến bản chơi và gửi xe máy tại nhà bị cáo rồi đi chơi trong bản, đến sáng ngày 09/3/2007, C và N quay lại nhà bị cáo ăn sáng, khi C và N chuẩn bị đi về thì bị cáo gợi ý nhờ C và N bán giúp 02 chỉ heroin mình đang giữ, nếu bán được sẽ trả công cho C và N , do nể bị cáo, C và N đã đồng ý bán giúp, C nhận số heroin trên và để vào túi áo ngực của mình, C lấy xe máy của mình chở theo N quay về bản Suối Hộc, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, khi đến bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì bị tổ công tác Đoàn biên phòng Trung Lý - BĐBP tỉnh Thanh Hóa phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số heroin trên.

Quá trình điều tra, C và N đều khai nhận số heroin bị thu giữ trên là của bị cáo nhờ C và N đi bán. Sau khi biết Càng và Nhà bị bắt thì bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị truy nã.

Số ma túy bị cáo nhờ C và N đi bán bị bắt quả tang, theo Kết luận giám định số: 50/PC21 ngày 09/3/2007 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

Cục chất bột màu trắng ngà trong 01 (một) gói nilon màu trắng được bọc ngoài bằng nilon màu xanh của phong bì niêm phong gửi giám định có trọng lượng là 16,71g (Mười sáu phẩy bảy mươi một gam). Qua giám định có thành phần heroine.

Ngày 06/6/2020, bị cáo bị Phòng PC04 - Công an tỉnh Thanh Hóa bắt khi đang lẩn trốn tại bản Khăm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định truy nã số: 81/PC47, ngày 14/9/2007 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-ML ngày 10/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải và công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Về điều luật: Áp dụng: Điều 33; Điểm p khoản 1 điều 46; Điểm h khoản 2 điều 194 BLHS năm 1999.

Về hình phạt: Hình phạt chính: Từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, vì bị cáo thu nhập không ổn định nên không có tính khả thi.

Về vật chứng: Đã được xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, bị cáo khai, biết rõ hành vi mua bán ma túy trái phép là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm nhưng do bản thân háms lợi nên đã cố tình phạm tội. Bị cáo công nhận toàn

bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Ý kiến người bào chữa: Người bào chữa vắng mặt nhưng đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Người bào chữa cho rằng: bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, bản thân trở thành công dân có ích.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất của khung hình phạt, để sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Hành vi của bị cáo đưa ma túy có trọng lượng 16,71g (Mười sáu phẩy bảy mươi một gam) heroine cho Sùng A C và Sùng A N đi bán và bị bắt, đã cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại BLHS Nước CHXHCN Việt Nam.

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà Nước. Hiện nay ma túy đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội về tác hại của nó, ma túy là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được rằng: Mua bán ma túy cho người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm thỏa mãn lợi ích của bản thân. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Với hành vi, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” vào năm 2007, quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, nay là điểm i, khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên khung hình phạt đối với khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 là như nhau, nên hành vi phạm tội của bị cáo vẫn xử lý theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS năm 1999, tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, năm 2015 bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 30 tháng tù giam. Năm 2017 chấp hành xong án phạt tù, trở về địa phương. Với các tình tiết này HĐXX xem xét xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] *Xét về hình phạt:* Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo thu nhập thấp và không ổn định, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã

hội đặc biệt khó khăn. HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và Người bào chữa, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án:*

Đối với số ma túy tang vật trong vụ án đã bị tuyên tịch thu, theo Quyết định tại Bản án số: 178/2007/HSST, ngày 14/11/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[6] *Xét về phần án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] *Các nhận định khác:*

- Đối với hành vi của Sùng A C và Sùng A N nêu trên đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử, tuyên phạt Sùng A C 07 (bảy) năm tù giam và Sùng A N 04 (bốn) năm tù giam, theo Bản án số: 178/2007/HSST, ngày 14/11/2007.

- Đối với người phụ nữ dân tộc Mông đã (theo lời khai của bị cáo) là người đã đưa ma túy cho bị cáo bán, vì bị cáo không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể người này, Cơ quan CSĐT có thẩm quyền không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về tội danh: *Tuyên:*

Bị cáo Sùng Thị M phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Về điều luật và hình phạt:

Áp dụng: Điểm h khoản 2 điều 194; Điều 33; Điều 45; Điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999:

Xử phạt: Hình phạt chính: **08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ (**06/6/2020**).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Miễn tiền án phí HSST cho bị cáo .

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt bị cáo; người phiên dịch; Vắng mặt người bào chữa; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh T. Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;

- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, H. Mường Lát;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T